TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**
Số: 03/2021/QĐST-KDTM	*T, ngày 11 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 114/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB);**

Địa chỉ: Số 442, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu H2 – Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng;

(Theo Giấy ủy quyền số 343/UQ-CNTL.20 ngày 22/12/2020)

2. Bị đơn: - Ông Phạm Trọng B, sinh năm 1952;

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955;

(Bà C ủy quyền cho ông B theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2020)

Địa chỉ: Thôn Phúc Lộc, xã C, huyện Q, tỉnh B;

- Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1954; cháu Khương Thị Minh P P, sinh năm 2005; cháu Khương Minh H2, sinh năm 2010; (bà B1 là người giám hộ cho cháu P, cháu H2);

Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, Thành phố H;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Ông Khương Văn H và bà Phạm Thị H1 còn nợ Ngân hàng ACB theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số MYD.CN.01090911ngày 09/9/2011 tính đến ngày 31/12/2020 với tổng số tiền là: 1.405.527.781 đồng, trong đó: gốc là 515.282.000 đồng; lãi trong hạn là: 190.150.805 đồng; lãi quá hạn là: 700.094.976 đồng;

2.2. Những người thừa kế của ông Khương Văn H và bà Phạm Thị H1 là bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Trọng B, bà Nguyễn Thị B1, cháu Khương Thị Minh P và cháu Khương Minh H2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông H, bà H1 để lại. Cụ thể:

Bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Trọng B, bà Nguyễn Thị B1, cháu Khương Thị Minh P và cháu Khương Minh H2 phải trả ngay cho ACB toàn bộ khoản nợ của ông H, bà H1, tính ngày 31/12/2020 là: 1.405.527.781 đồng (một tỷ bốn trăm linh năm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng); trong đó: gốc là 515.282.000 đồng; lãi trong hạn là: 190.150.805 đồng; lãi quá hạn là: 700.094.976 đồng.

2.3. Bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Trọng B, bà Nguyễn Thị B1, cháu Khương Thị Minh P và cháu Khương Minh H2 phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn phát sinh cho ACB theo quy định tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số MYD.CN.01090911ngày 09/9/2011, kể từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày trả hết nợ.

2.4. Trường hợp bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Trọng B, bà Nguyễn Thị B1, cháu Khương Thị Minh P và cháu Khương Minh H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ, thì ACB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo cho khoản vay để xử lý thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 128 tờ bản đồ số 09 tại địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện T, Thành phố H (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BB 494806, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00070/1861/QĐ-UB/TTr do UBND huyện T, Thành phố H cấp ngày 16/11/2010 đứng tên ông ông Khương Văn H và bà Phạm Thị Hoà).

2.5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Trọng B, bà Nguyễn Thị B1, cháu Khương Thị Minh P và cháu Khương Minh H2 được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB) số tiền 26.613.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số: AA/2016/0011685 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *THADS huyện T;*
- *TANDTP H; VKSNDTP H;*
- *VKSND huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy